

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 184/2024/DS-ST

Ngày: 16-7-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Kh.

Bà Huỳnh Thị Kim Trúc L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2024/TLST - DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn M - sinh năm 1969; địa chỉ: ấp PT, xã PM, huyện MCB, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông M) là ông Phan Văn Dũ, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp THN, xã TPT, huyện MCB, tỉnh BT. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Th - sinh năm 1956; địa chỉ: 89/53 ấp Phú Quới, xã Vĩnh Hòa, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kh - sinh năm 1959; địa chỉ: 89/53 ấp PQ, xã VH, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Phan Văn Dũ trình bày: Từ khoảng năm 2014, ông M có hợp đồng miệng bán thức ăn chăn nuôi heo cho ông Nguyễn Thành Th, bà Nguyễn Thị Kh. Khi mua bán hai bên thỏa thuận là bán heo thanh toán tiền cho từng lần bán. Việc chăn nuôi heo nhằm phát triển kinh tế chung của gia đình và giữa hai bên có lập sổ theo dõi.

Đến tháng 6/2017 hai bên kết thúc làm ăn với nhau, ông Th, bà Kh nhiều lần không thanh toán tiền đúng theo thỏa thuận. Sau khi kết thúc làm ăn, hai bên có tổng kết nợ thì ông Th, bà Kh còn nợ số tiền 1.134.921.000đồng, sau đó ông bà đã trả số tiền tổng cộng là 430.000.000đồng. Như vậy, ông Th, bà Kh còn nợ lại ông M số tiền là 1.004.921.000đồng.

Vì vậy, ông M yêu cầu ông Th và bà Kh cùng liên đới trả cho ông M số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 1.004.921.000đồng, ông M không yêu cầu tính lãi.

Bà Kh có ý kiến trình bày theo biên bản xác minh ngày 26/4/2024 như sau: bà Kh và ông Th có mua thức ăn của ông M để chăn nuôi heo nhằm phát triển kinh tế gia đình. Giữa bà Kh, ông Th với ông M mua bán thức ăn qua hợp đồng miệng, không lập giấy tay, tổng số tiền ông bà còn nợ ông M là 1.434.921.000đồng, nhưng bà Kh đã trả được số tiền là 430.000.000đồng, còn nợ lại số tiền 1.004.921.000đồng. Bà Kh xin trả dần số tiền còn lại, mỗi năm sẽ trả 100.000.000đồng, cụ thể sẽ trả vào ngày 30/12 âm lịch hằng năm cho đến trả hết số nợ trên.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn ông Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Kh không thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 430, 440 BLDS; Điều 92 BLTTDS:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M: Buộc ông Th và bà Kh liên đới trả cho ông M số tiền 1.004.921.000đ, ghi nhận ông M không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông M về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 90.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Thiên và bà Kh) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có người đại diện theo ủy quyền tham gia nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Th, bà Kh là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Trương Văn M yêu cầu ông Nguyễn Thành Th và bà Nguyễn Thị Kh cùng liên đới trả cho ông M số tiền mua thức ăn còn thiếu là 1.004.921.000đ (Một tỉ không trăm lẻ bốn triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng). Còn bà Kh thừa nhận bà Kh và ông Th có mua thức ăn chăn nuôi heo nhằm phát triển kinh tế gia đình

và còn nợ ông M số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 1.004.921.000đồng, ông Th mặc dù vắng mặt không có ý kiến nhưng là chồng của bà Kh phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Kh trả số tiền nợ trên do việc ông bà mua thức ăn nuôi heo là nhằm phát triển kinh tế gia đình là phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến của bà Kh yêu cầu được trả ông M số tiền 100.000.000đồng/năm vào ngày 30/12 hằng năm cho đến khi trả hết nợ, nhưng nguyên đơn không đồng ý. Nhận thấy, yêu cầu trả dần của bà Kh không được nguyên đơn chấp nhận và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thành Th và bà Nguyễn Thị Kh có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trương Văn M số tiền nợ là 1.004.921.000đồng.

Ghi nhận ông Trương Văn M không yêu cầu tính lãi.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thành Th và bà Nguyễn Thị Kh phải có liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông M. Tuy nhiên, ông Th và bà Kh là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M đối với Nguyễn Thành Th và bà Nguyễn Thị Kh về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn”.

Buộc ông Nguyễn Thành Th và bà Nguyễn Thị Kh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Văn M số tiền là 1.004.921.000đ (Một tỉ không trăm lẻ bốn triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành Th và bà Nguyễn Thị Kh có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng ông Th và bà Kh là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

- Hoàn trả lại cho ông Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.424.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001468 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT.

3. Về quyền kháng cáo: **Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.**

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS CL;
- Các đương sự;
- Lưu HSYA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**